

“Tôi Có Còn Gì Đâu!”

“Bây giờ là tháng tư, 30 năm sau ngồi đây mà đổ tội cho ai. “Nhất tướng công thành, vạn cốt khô”. Mà công thành, có thành công cho cam. Tôi không hỏi và ông cũng chẳng nói. Tôi đưa cả hai tay cho ông nắm thật chặt. Hình như có một lời ca từ 50 năm trước trong bài Tình Linh: “Thương nhau, tay nắm lấy bàn tay;” Ông nắm thật chặt và Ông bắt đầu giảng cho tôi về Thiên Tông và Phật Pháp. Chẳng có thu thanh, thu hình phỏng vấn gì cả. Hai mươi năm chinh chiến điêu linh và ba mươi năm lưu lạc tù đầy của cả đạo quân nay bỏ qua một bên để ngồi bàn về đường đi của Phật. Trước khi chia tay, tôi ngỏ lời xin đại tướng một di vật cho viện Bảo tàng. Ông nói: “Tôi có còn gì đâu!” Bên hỏi rằng hôm niên trưởng ra đi đem theo cái gì. Ông cho biết có cầm cái cặp. Bên trong có cuốn sách viết về đạo Phật.”
(Đại Tướng của tôi - Giao Chỉ - Ánh Dương)

Trên là phần cuối trong bài viết của Giao Chỉ thuật lại chuyện ông đi thăm đại tướng Cao Văn Viên, cách đây gần 3 năm.

Thưa rằng tôi không phải là người chọn binh nghiệp, tình nguyện vào lính như là một việc chẳng đáng dừng. Số là sau Tết Mậu Thân, trước cảnh tang thương và nhất là chết chóc thê thảm, tôi cũng như một vài người bạn, không còn đủ tinh thần để cầm phần báng nữa. Vào lớp, hơn một nửa học sinh mang băng tang, khăn tang. Ở thành phố này, - Huế - hơn 5 ngàn người bị tàn sát. Và rồi tôi tự mình nhập ngũ mà không có lệnh gọi.

Quả thật tôi có ít nhiều định kiến về quân đội Việt Nam Cộng Hòa, nói cho đúng là những hành vi tiêu cực của một số tướng tá, và sau khi đã nhập ngũ, tôi gặp không ít khó khăn vì những “vị” ấy. Nhưng bên cạnh đó, có biết bao nhiêu tấm gương sáng, kiêu hùng, dũng liệt khiến cho tôi phải suy nghĩ và kính trọng. Sau 30 tháng Tư thì điều ấy rõ lắm: Làm tướng, thành mất, chết theo thành. “Thà làm quỉ nước Nam còn hơn làm vương đất bắc”, là cái dũng của người xưa. Không ít tướng lĩnh Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa đã noi theo tấm gương đó. Như Trần Thế Vinh, Phạm Phú Quốc và cả “Hùng móm”, đứa con út của mẹ tôi. Họ được cái gì khi xông pha chiến trận, như Phan Nhật Nam viết về “Hùng móm” thì hành quân “Mút Mùa Lệ Thủy”.

Khi đọc đoạn trên của Giao Chỉ, có thể có người cũng định kiến vậy, khi nghĩ tới ông đại tướng. Nhưng suy cho cùng, cái gì không rõ, không chắc, thì không nên kết luận.

Quả thật tôi không rõ, không chắc những dư luận về một ai, nhưng với ông Cao Văn Viên thì tôi có lòng kính trọng ngay từ vụ đảo chánh ngày 1 tháng 11 năm 1963. Phải là người được các tướng lĩnh kính mến lắm, ông mới thoát chết trong biến cố lịch sử bi thảm đó. Và cũng nhờ cá tính đó, tư cách đó, cuộc đời ông thay vì đi xuống, lại cứ đi lên.

Giao Chỉ, trước khi đi thăm, những tướng sẽ gặp một ông tướng, một nhà quân sự có đầy đủ khả năng, tài ba về các vấn đề chiến thuật, chiến lược, quan điểm chính trị quốc gia, quốc tế, kinh nghiệm về cuộc chiến tranh kéo dài 20 năm ở nước ta. Tác giả thất vọng, viết lại cuộc gặp gỡ như sau:

“Khi chúng tôi bước vào phòng khách của khu cao niên Á châu, “Mon General” đã đứng chờ sẵn, quần áo chỉnh tề. Hình ảnh của vị tướng lĩnh cao lớn mang 4 sao, áo hoa dù, mũ đỏ không còn nữa. Đại tướng của tôi bây giờ là một cụ già tóc bạc lưng còng, vóc dáng nhỏ bé, chỉ còn lại cặp mắt long lanh, và tiếng nói dịu dàng...”

“Bao nhiêu câu hỏi cần tìm hiểu vị niên trưởng mà tôi đã chuẩn bị bây giờ bỗng xuôi hết. Nào là rút quân, nào là tử thủ, từ chuyện ông Thiệu đến chuyện ông Kỳ, chuyện Mỹ, chuyện Tàu. Trong cái buổi chiều buồn và ảm đạm đó, tôi chợt thấy tất cả đều trở nên vô nghĩa. Toàn quân, toàn dân, cấp trên cấp dưới, bây giờ không quá khứ, chẳng vị lai. Lờ người xưa còn vắng bên tai. “Bại binh chi tướng, bất khả ngôn dũng.” “Tướng lãnh thua trận, không thể nói mạnh.”

Khi tác giả xin một vật kỷ niệm, ông bảo: “Tôi có còn gì đâu?” Rồi tác giả xin ông ký tặng cho cuốn kinh Phật để trong cái cặp ông mang theo ngày ông vĩnh viễn rời khỏi đất nước.

Ông không còn gì cả?!

Tiền bạc, tài sản mấy chục năm binh nghiệp ở đâu! Sao chỉ còn cuốn kinh Phật mang theo?!

Khi ông “ngộ” được cái hư vô trong cuộc thế, thấy được cái cốt lõi của thiên, khi ông từ giã công danh, sự nghiệp, ra đi với một cuốn sách Phật thì tiền bạc, của cải còn có giá trị gì nữa mà gọi là “còn.” Với cá tính đó, tâm hồn đó, khi ông nói “Tôi có còn gì đâu.” thì đó chính là lời nói thật, rất thật.

Tôi nhớ cách đây mấy năm, khi cụ Mỹ Tín – nguyên giáo sư trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Saigon, một người nổi tiếng ở Saigon trước 1975 về nghiên cứu thiên học - nói với tôi: “Tôn giáo nào cũng có thiên.” Tôi trả lời ngay: “Thiên là của Phật giáo chứ! Cửa Thiên là cửa Phật. Ba Giai viết “Ở chốn Thiên môn có một thầy!”

Cụ Mỹ Tín không tranh cãi với tôi chuyện đó, nhưng sau đó, tôi suy nghĩ không ít về câu nói của ông cụ, và tôi thấy ra rằng, không hẳn chỉ ở tôn giáo, bất cứ ai nhận ra rằng cuộc đời này là hư vô thì người đó đã đạt được cái căn bản về thiên. Mà tôn giáo nào lại không cho cuộc đời này là hư vô, danh lợi là hư vô, thì tôn giáo nào lại chẳng có thiên. Chẳng qua, tôi vì cái “định kiến” “Thiên môn là cửa Phật” nên mới cãi lại với ông cụ như thế mà thôi.

Nếu như ông đại tướng ra đi mà chỉ mang theo cuốn kinh Phật, “Tôi có còn gì đâu.” thì cái ông còn lại là cái tâm vậy, vì tâm chính là căn bản của thiên.

Thói thường khi người ta mất tất cả hay mất cái gì đó mới tìm tới tôn giáo. Lan mất Điệp thì Lan vào chùa cắt tóc. Sau 30 tháng Tư, “mất đất nước là mất tất cả” thì vào nương thân cửa thiên cũng không hẳn là điều lạ. Tướng lãnh, có khi bị coi là “hữu đồng vô mưu” nhưng ông thì khác đấy. Khi còn là nhân vật số 2 trong Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, chỉ đứng đằng sau tổng tư lệnh, ông đang ngồi trên danh vọng, trên quyền lực vậy mà ông đã suy nghĩ không ít về cuộc đời, về Phật, về thiên tông, đã thấy cái danh vọng ông đang có, quyền lực ông đang cầm cũng chỉ là hư không. Chắc gì những kẻ tu hành, những văn nhân thức giả, đã có được cái nhìn như ông về cuộc sống thế gian.

Theo nhãn quan đó, chúng ta thấy miền Nam chúng ta có nhiều cái rất “ngộ” (ngĩnh) vậy. Chẳng hạn như tướng Nam - Nguyễn Khoa Nam - Làm tướng là phải ra lệnh chiến đấu, không những phòng ngự mà còn tấn công, là nhắm vào kẻ địch mà nổ súng, oanh kích. Thế mà ông lại là người “ăn chay trường.”

“Ăn chay trường” là nói theo kiểu người Nam, như nhiều sĩ quan vùng IV nói với nhau khi nói về vị tướng tư lệnh của họ. Người Bắc gọi là “trường trai.” Cũng không biết ông ta ăn chay trường từ bao giờ, nhưng kể từ lúc ông về làm tư lệnh sư đoàn 7 thì các sĩ quan đã nói với nhau về việc đó rồi, với lòng kính trọng, và coi như chuyện lạ!

Thật ra, cũng không lạ đâu! Cầm súng xông pha chiến trận là một trách nhiệm, nhưng ai có thể nói rằng những người “Nay Hán xuống Bạch Thành đóng lại, mai Hồ vào Thanh Hải dòm qua!” lại không có một chữ tâm. “Tim ai không có mặt trời?!”

Người Tây Phương cũng vậy thôi!

Trong “Chiến Tranh và Hòa Bình” có một đoạn khá cảm động. Khi đại quân của Napoleon bị “đại tướng Mùa Đông” đánh bại, thê thảm trên đường rút chạy. Tướng tư lệnh quân Nga Kutuzov vẫn cứ bình thản, ngày ngày ôm lấy cô bồ nhí chuyện trò. Các ông tướng trẻ không chịu như thế. Họ yêu cầu Kutuzov cho quân đuổi theo, đánh mạnh vào, tiêu diệt đoàn quân đang chạy trốn, giết cho kỳ hết mới thôi. Bọn chúng đã vào Mascova, đốt phá thành phố này, nay phải trả thù. Kutuzov ôn tồn bảo: “Được rồi! Được rồi! Hãy để cho chúng chạy trốn!” Ba lần bảy lượt như vậy. Có phải ông tướng già ham vui bồ nhí hay ông cho rằng làm tướng không cứ giết địch cho thật nhiều mới là tướng tài. Tại ông ta có cái tâm đấy. Tướng tài mà không có cái tâm thì được cái gì?

Nguyễn Du viết:

“Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài!”

Câu thơ đó chỉ đúng cho một trường hợp cô Kiều hay đúng cho tất cả mọi người, dù ở đâu, thời nào, vị trí nào, trường hợp nào!

Ngay cả cái chết của một người tu hành như hòa thượng Thích Quảng Đức cũng không ngoài ý nghĩa đó. Vũ Hoàng Chương viết về cái chết đó của ông hòa thượng trong bài “Lửa Từ Bi”:

“Rồi đây,

Rồi mai sau còn chi?

Còn nữa chứ! Còn trái tim Bồ Tát.”

Trái tim bồ tát chính là trái tim, là chữ tâm vậy.

Từ già ông đại tướng, vị niên trưởng già, hiền hòa như một thầy giáo làng, thân tình như bạn bè cố cựu. Người trong cuộc ngậm ngùi, mà người đọc cũng xót xa. Với 20 năm binh nghiệp, người sĩ quan hàng đầu của quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã ban bao nhiêu quân lệnh, huấn lệnh... Sau 30 năm biệt xứ, ông tướng già đó có ban huấn lệnh gì cho binh sĩ ngày trước của ông nữa không?

Có đấy chứ: Huấn lệnh cuối cùng của ông để trong cái cặp ngày ông biệt xứ. Quân lệnh ấy nằm trong cuốn sách, rất đơn giản, đơn giản như đời lính của ông vậy, với chỉ có một chữ Tâm viết hoa mà thôi.

hoànglonghải